

Số: **316/2023/QĐST-HNGĐ**

Cẩm Lệ, ngày 05 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 272/2023/TLST-HNGĐ về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trần Miện N, sinh năm 1994. Địa chỉ: tổ 34, phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng

- Bà Lê Thị My N, sinh năm: 1990. Địa chỉ: tổ 34, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, tp. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hòa hợp. Do hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N.

[2] Về con chung: Ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Lê Uyên T, sinh ngày 26/7/2015. Ly hôn, ông bà thỏa thuận: Giao con chung cho bà Lê Thị My N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi, ông Trần Miện N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N xác nhận tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

[4] Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N chịu.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao con chung cháu Trần Lê Uyên T, sinh ngày 26/7/2015 cho bà Lê Thị My N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Miện N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ của mình thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do các bên thoả thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thoả thuận về mức lãi suất thì thực hiện theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ chung: Các bên đương sự xác định tự thoả thuận.

1.4. Lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N mỗi người chịu 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ theo biên lai thu số 0001785 ngày 18/8/2023. Ông Trần Miện N và bà Lê Thị My N đã nộp đủ lệ phí HNGĐ sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng
(Giấy ĐKKH số 26, năm 2015)
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Hưng